KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO 2019
NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ ĐIỆN TỬ

TT	Mã MH	Tên môn học, học phần	Số tín chỉ	Thời gian (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/ bài tập/thảo luận	Thi/ Kiểm tra
Học kỳ 1: 16 Tín chỉ (không tính môn học GDQP và AN)							
Môn học bắt buộc			**16**				
1	226020	Pháp luật đại cương	2	30	18	10	2
2	224003 200001	Anh văn 1/Tiếng Nhật 1	3	45	18	24	3
3	229126	Tin học	3	75	15	58	2
4	227006	Cơ học ứng dụng	2	30	20	8	2
5	227064	Vẽ kỹ thuật 1	2	45	15	28	2
6	227026	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	40	18	20	2
7	227134	Điều khiển số trong công nghiệp	2	40	18	20	2
8	234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5	75	57	13	5
Học kỳ 2: 17 Tín chỉ (không tính môn học GDTC)							
Môn học bắt buộc			**15**				
9	222033	Toán ứng dụng A	3	45	13	29	3
10	227137	Nguyên lý - Chi tiết máy	2	30	20	8	2
11	227001	Autocad 2D	2	60	0	58	2
12	228197	Trang bị điện trong máy cắt kim loại	3	75	15	57	3
13	227014	Công nghệ khí nén - thủy lực	2	40	20	18	2
14	224004 200002	Anh văn 2/Tiếng Nhật 2	3	45	18	24	3
Môn học Giáo dục thể chất 1 tự chọn			**2**				
15.1	234002	Bóng chuyền 1	2	30	6	22	2
15.2	234006	Bóng đá 1	2	30	6	22	2
15.3	234007	Bóng rổ 1	2	30	6	22	2
15.4	234008	Cầu lông 1	2	30	6	22	2
15.5	234009	Aerobic 1	2	30	6	22	2
Môn học chung tự chọn			**2**				
16.1	227073	Lập trình C++	2	40	20	18	2
16.2	227063	Vật liệu học	2	40	18	20	2

16.3	228255	Kỹ thuật điện tử	2	30	15	13	2
Học kỳ 3: 19 Tín chỉ (không tính môn học GDTC)							
Môn học bắt buộc			**17**				
17	223008	Chính trị	5	75	41	29	5
18	227138	Solidworks	2	60	0	58	2
19	227113	Điều khiển tự động (Cơ khí)	2	40	20	18	2
20	224016 200003	Anh văn 3/Tiếng Nhật 3	3	45	18	24	3
21	228252	Vi điều khiển	3	75	12	60	3
22	227060	Thực tập tiện 1	2	60	0	58	2
Môn học chung tự chọn			**2**				
23.1	226035	Soạn thảo văn bản	2	30	15	13	2
23.2	222013	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	30	15	13	2
23.3	222017	Tiếng Việt thực hành B	2	30	15	13	2
Môn học Giáo dục thể chất 2 tự chọn			**2**				
24.1	234003	Bóng chuyền 2	2	30	6	22	2
24.2	234010	Bóng đá 2	2	30	6	22	2
24.3	234011	Bóng rổ 2	2	30	6	22	2
24.4	234013	Cầu lông 2	2	30	6	22	2
24.5	234014	Aerobic 2	2	30	6	22	2
Học kỳ 4: 17 Tín chỉ							
Môn học bắt buộc			**15**				
25	227056	Thực tập phay 1	2	60	0	58	2
26	227069	Công nghệ khí nén thủy lực nâng cao	2	40	18	20	2
27	228251	PLC	3	75	12	60	3
28	227027	Hệ thống cơ điện tử	2	30	20	8	2
29	227158	Công nghệ CNC	3	75	15	57	3
30	227129	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp	1	30	0	29	1
31	222035	Kỹ năng mềm	2	30	6	22	2
Môn học chuyên môn tự chọn			**2**				
32.1	227127	Thực tập hàn	2	60	0	58	2
32.2	227142	Thực tập hàn TIG - MAG	2	60	0	58	2
32.3	227148	Thực tập sửa chữa	2	60	0	58	2
Học kỳ 5: 13 Tín chỉ							
Môn học bắt buộc			**11**				
33	227122 200004	Anh văn chuyên ngành (CĐT)/Tiếng Nhật 4	2	30/30	20/15	08/13	2/2
34	227009	Công nghệ CAD/CAM	2	60	0	58	2
35	227070	Đồ án hệ thống cơ điện tử	1	30	0	29	1
36	227135	Điều khiển và giám sát quá trình (SCADA)	2	40	20	18	2

37	227154	Thực tập CNC	2	60	0	58	2
38	227144	Thực tập hệ thống cơ điện tử	2	60	0	58	2
Môn học chuyên môn tự chọn			**2**				
39.1	227136	Kỹ thuật Robot	2	40	20	18	2
39.2	228018	Đo lường và điều khiển bằng máy tính	2	40	20	18	2
39.3	227032	Matlab	2	40	20	18	2
Học kỳ 6: 10 Tín chỉ							
Môn học bắt buộc			**5**				
40	227152	Thực tập tốt nghiệp (Cơ điện tử)	5	225	0	220	5
Môn học tự chọn			**5**				
41.1	227088	Đồ án tốt nghiệp (Cơ điện tử)	5	225	0	220	5
Học phần thay thế Đồ án tốt nghiệp							
41.2	227161	Chuyên đề Cơ điện tử	2	60	0	58	2
41.3	227118	Hệ thống cơ điện tử nâng cao	3	75	12	60	3